

trình thủy lợi sông Quao, đã được Hội đồng thẩm định cấp Nhà nước thẩm định (Công văn số 3376-UB/VPTĐ ngày 11-11-1994).

Điều 2.- Giao Bộ trưởng Bộ Thủy lợi chỉ đạo lập thiết kế kỹ thuật và Tổng dự toán công trình để thẩm định theo quy định hiện hành. Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho Bộ trưởng Bộ Thủy lợi phê duyệt thiết kế kỹ thuật và Tổng dự toán phần điều chỉnh, bổ sung đã nói tại Điều 1 trên đây.

Điều 3.- Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Tài chính có trách nhiệm cân đối vốn để công trình hoàn thành theo đúng mục tiêu, kế hoạch và tiến độ, đưa toàn bộ hệ thống công trình vào sử dụng trong năm 1996.

Điều 4.- Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Thuận phối hợp chặt chẽ với Bộ Thủy lợi, Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm trong việc xây dựng đồng bộ công trình và chỉ đạo các ban, ngành ở địa phương hướng dẫn nhân dân trong vùng hưởng lợi thâm canh, điều chỉnh cơ cấu cây trồng, vật nuôi, phát huy hết hiệu quả nguồn nước mà công trình thủy lợi sông Quao mang lại.

Điều 5.- Bộ trưởng các Bộ Thủy lợi, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm, Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Thuận chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

K.T. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng
TRẦN ĐỨC LƯƠNG

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 773-TTg ngày 21-12-1994 về Chương trình khai thác, sử dụng đất hoang hóa, bãi bồi ven sông, ven biển và mặt nước ở các vùng đồng bằng.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Theo đề nghị của Bộ trưởng các Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm, Lâm nghiệp, Thủy sản, Thủy lợi, Lao động - Thương binh và Xã hội, của Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và Giám đốc Trung tâm Khoa học tự nhiên và Công nghệ quốc gia,

QUYẾT ĐỊNH:

VỀ CƠ CẤU KINH TẾ VÀ BỐ TRÍ DÂN CƯ

Điều 1.- Từ nay đến năm 2000 và một số ít năm tiếp theo, các ngành, các cấp cần huy động tối đa mọi nguồn lực của các thành phần kinh tế ở trong nước và nguồn vốn ngoài nước để hoàn thành về cơ bản việc khai thác, sử dụng có hiệu quả quỹ đất hoang hóa, bãi bồi ven sông, ven biển và mặt nước ở các vùng đồng bằng chưa được khai thác, nhằm tăng thêm diện tích sản xuất, tăng sản lượng hàng hóa nông - lâm - ngư nghiệp, bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ, đặc dụng ven biển để bảo vệ môi trường và giữ cân bằng sinh thái, từng bước ổn định và nâng cao đời sống của đồng bào trên các vùng đất mới. Hướng khai thác trọng tâm là các vùng Đồng Tháp Mười, tứ giác Long Xuyên, bán đảo Cà Mau và một số tiểu vùng còn đất hoang hóa khác ở đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng sông Hồng, vùng đầm phá ven biển miền Trung và miền Bắc.

Việc bảo vệ rừng phòng hộ, rừng đặc dụng hiện có và việc khai thác, sử dụng, phủ xanh đất hoang hóa trên các vùng đồi núi trọc (chủ yếu là ở trung du, miền núi) vẫn tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 327-CT ngày 15-9-1992 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng đã được cụ thể hóa tại văn bản số 4785-KTN ngày 29-8-1994 của Chính phủ.

Điều 2.- Chương trình khai thác, sử dụng đất hoang hóa, bãi bồi ven sông, ven biển và mặt nước ở các vùng đồng bằng được thực hiện bằng các dự án. Các dự án phải được xây dựng đồng bộ, vừa phát triển kinh tế, hình thành cơ cấu kinh tế theo hướng nông, lâm, ngư, công nghiệp kết hợp, phù hợp với yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, vừa bố trí lại dân cư (di dân, chuyển dân) giải quyết các nhu cầu về xã hội (văn hóa, giáo dục, bảo vệ sức khỏe), nhằm xây dựng nông thôn mới, văn minh, hiện đại, bảo vệ và cải thiện được môi trường sinh thái chung.

Việc thực hiện các dự án khai thác, sử dụng đất hoang hóa, bãi bồi, mặt nước phải được tiến hành từng bước, theo định hướng quy hoạch có trọng điểm trong từng thời gian, phù hợp với khả

năng đầu tư của nhân dân và của Nhà nước. Ưu tiên đầu tư cho các dự án giải quyết được nhiều việc làm, chuyển, dân được nhiều dân cư từ nơi thiếu đất; vùng tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa tập trung có giá trị cao, vùng biên giới, hải đảo giữ vị trí trọng yếu về an ninh, quốc phòng.

Điều 3.- Các dự án sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp phải xuất phát từ đặc điểm tự nhiên, khả năng đầu tư và phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của vùng, có thị trường tiêu thụ, bảo đảm sự phát triển bền vững, có hiệu quả.

Các dự án phải kết hợp nông nghiệp - lâm nghiệp - ngư nghiệp với công nghiệp chế biến và tiêu thụ sản phẩm; cân đối giữa trồng trọt với chăn nuôi; bảo vệ rừng và trồng rừng; nuôi trồng thủy sản, giữa bảo vệ môi trường với phát triển kinh tế, có biện pháp giải quyết đồng bộ từ khâu sản xuất đến chế biến và các dịch vụ có liên quan.

Thủy lợi là biện pháp quan trọng hàng đầu của mỗi dự án và phải đặt trong mối quan hệ trực tiếp với các công trình khác như cải tạo đất, mở rộng diện tích canh tác, bố trí hệ thống giao thông thủy, bộ, theo các quy mô phù hợp với khả năng đầu tư.

Điều 4.- Chú trọng việc phục hồi và tăng thêm diện tích rừng phòng hộ, ven biển, rừng ngập mặn và trồng đại rừng trong mỗi dự án, nhằm giữ cân bằng sinh thái, đồng thời tạo ra nguồn vật liệu xây dựng, chất đốt tại chỗ. Diện tích rừng và cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm trong mỗi dự án phải bảo đảm có độ che phủ không thấp hơn 20 - 30% diện tích tự nhiên.

Điều 5.- Dự án về nuôi trồng thủy sản cần kết hợp với các dự án thủy lợi, dự án nông, lâm nghiệp, thủy điện, cảnh quan du lịch v.v... để nuôi trồng thủy sản bằng các mô hình thích hợp, nhằm khai thác có hiệu quả mọi tiềm năng, thế mạnh của từng loại mặt nước và tạo dựng môi trường sinh thái bền vững.

Điều 6.- Phát triển hợp lý các cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, trước hết là các đơn vị sản xuất quy mô vừa và nhỏ nhưng có trang thiết bị, công nghệ hiện đại để nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường trong nước và ngoài nước; chú trọng thực hiện tập trung hóa và chuyên môn hóa ngay từ đầu.

Tổ chức mạng lưới thương nghiệp bảo đảm cung ứng hàng hóa và dịch vụ cho dân cư và tiêu thụ sản phẩm của các cơ sở trên địa bàn sản xuất ra.

Điều 7.- Về áp dụng tiến bộ kỹ thuật, đưa công nghệ mới vào sản xuất:

Việc mở rộng diện tích canh tác, phát triển nông, lâm, ngư nghiệp phải gắn liền với các biện pháp sản xuất tiên tiến để chống xói mòn, bảo vệ và không ngừng nâng cao độ phì của đất, chống ô nhiễm môi trường và nguồn nước, tăng năng suất, làm tốt công tác khuyến nông, lâm, ngư để chuyển giao các loại giống và các tiến bộ kỹ thuật bảo đảm cho cây trồng, vật nuôi đạt năng suất cao, phẩm chất tốt.

Trong công nghiệp, áp dụng ngay các công nghệ mới tiên tiến để sản xuất ra các sản phẩm hàng hóa có giá trị phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

Điều 8.- Về bố trí dân cư và cơ sở hạ tầng văn hóa, xã hội:

Việc bố trí khu dân cư phải có quy hoạch và theo các dự án cụ thể, gắn với định canh định cư, địa bàn sản xuất và quy hoạch phát triển cơ sở hạ tầng, phúc lợi công cộng, bảo đảm sớm ổn định đời sống của dân cư, nhất là ở các vùng mà điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội khó khăn như vùng bị nhiễm phen, nhiễm man nạng, vùng đầm phá, xóm chài nay định cư ở đất liền, vùng thường xuyên bị thiên tai và vùng đông bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa nơi kinh tế chậm phát triển.

Các điểm dân cư cần được quy hoạch toàn diện, có bước đi cụ thể, theo hướng xây dựng nông thôn mới văn minh, hiện đại bố trí theo cụm kết hợp với theo tuyến để hình thành các đơn vị, nanh cụm làng, xã mới, tăng cường các trục giao thông, trục kênh mương để bố trí dân cư cho phù hợp. Chú trọng các phương án giải quyết khung nhà, nền nhà để chủ động phòng, chống lũ lụt. Đưa các cụm chế biến tiểu thủ công nghiệp gắn với các điểm dân cư tập trung; chú trọng phát huy lợi thế so sánh của từng địa bàn, thực hiện đa dạng hóa sản phẩm và ngành nghề ngay từ đầu, góp phần tăng thu nhập cho dân cư.

Trong mỗi dự án, các ngành liên quan cần huy động vốn của mình để bố trí ngay các cơ sở hạ tầng thiết yếu về văn hóa, xã hội (trường học, trạm y tế, đường dân sinh nội vùng...)

Các địa phương phối hợp với các ngành liên quan thực hiện các biện pháp để sớm chuyển hết đất từ dân cư sinh sống trên các đầm, phá về các xóm chài trên mặt nước lên định cư trên đất liền, kể cả việc quy hoạch khu dân cư, xác định phương hướng sản xuất và giải quyết các nhu cầu

về văn hóa, xã hội cho dân. Tổ chức trường nội trú, thu hút hết các trẻ em đến tuổi được đi học.

Điều 9.- Theo các hướng nói trên, các Bộ chuyên ngành chủ trì, phối hợp với các Bộ liên quan hướng dẫn, giúp đỡ các địa phương sớm hoàn thành việc xây dựng đề án tổng quan khai thác và sử dụng đất hoang hóa, mặt nước, bãi bồi ven sông, ven biển nhằm phát triển kinh tế và bố trí ổn định dân cư đến năm 2000 và 2010 của các tỉnh.

Các đề án tổng quan của mỗi tỉnh phải gửi về Bộ phận thường trực Chương trình này trước tháng 8 năm 1995 để tổng hợp trình Chính phủ xét duyệt và đưa vào kế hoạch chung về phát triển kinh tế - xã hội.

Dựa vào đề án tổng quan chung, các ngành hữu quan hướng dẫn các địa phương xây dựng các dự án cụ thể để đưa vào cân đối trong kế hoạch 5 năm 1996 - 2000 và kế hoạch hàng năm trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. Dự án phải tính đến khả năng vốn mà xây dựng có trọng điểm, tập trung, không nên mở rộng, phân tán.

HÌNH THỨC TỔ CHỨC SẢN XUẤT

Điều 10.- Việc thực hiện Chương trình này chủ yếu là dựa vào sức dân ở mỗi địa phương. Khuyến khích các thành phần kinh tế tự bỏ vốn mở mang các cơ sở sản xuất để khai thác, sử dụng đất hoang hóa, mặt nước, bãi bồi ven sông, ven biển, xây dựng các công trình văn hóa, giáo dục, phúc lợi công cộng, bằng nhiều hình thức như quốc doanh, tập thể, tư nhân, liên doanh (kể cả liên doanh hoặc đầu tư 100% bằng vốn nước ngoài), v.v...

Các cơ quan quản lý Nhà nước hướng dẫn các thành phần kinh tế lập dự án theo quy hoạch của từng vùng với quy mô thích hợp, tạo điều kiện thuận lợi để triển khai thực hiện.

Điều 11.- Các tổ chức, cá nhân là đơn vị sản xuất được lập ra theo các hình thức phù hợp với nội dung hoạt động sản xuất, xây dựng, kinh doanh của từng dự án, như các Đội Thanh niên tình nguyện, Thanh niên xung kích, các đơn vị Thanh niên xung phong, các Công ty khai hoang làm đất; các doanh nghiệp, các hợp tác xã sản xuất, chế biến, các tổ chức kinh tế, v.v... đảm nhận từng phần công việc của dự án hoặc cả dự án. Phát triển các quan hệ liên doanh, liên kết giữa các đơn vị thuộc các thành phần kinh tế trên địa bàn, nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp, phát triển sản xuất, xây dựng nông thôn mới,

đảm bảo lợi ích bình đẳng giữa các thành phần kinh tế và làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Trong nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, hộ sản xuất là đơn vị kinh tế tự chủ, chủ yếu là hình thức trang trại nhỏ và vừa theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, chuyên môn hóa ngay từ đầu.

Điều 12.- Quy mô dự án:

- Đối với dự án nông - lâm - ngư nghiệp khoảng từ 100 - 3000 héc-ta (tùy thuộc địa hình, đất đai của từng vùng và khả năng quản lý), dân cư tương đương với một ấp, một xã mới để hình thành một đơn vị hành chính, kết hợp kinh tế - xã hội với an ninh quốc phòng, phù hợp với khả năng đầu tư của nhân dân và của Nhà nước.

- Đối với dự án lâm - nông - ngư nghiệp khoảng từ 500 - 5000 héc-ta.

- Đối với dự án nuôi trồng thủy sản khoảng từ 100 - 3000 héc-ta.

Điều 13.- Định mức giao đất, khoán rừng cho hộ.

Các hộ đến vùng đất mới được giao đất, giao mặt nước hoặc khoán rừng theo quy hoạch chung và kế hoạch của chủ dự án, có sự tham gia của ngành chủ quản và của chính quyền địa phương, ưu tiên phân bổ đất cho các hộ dân tại chỗ, các hộ mới chuyển đến chưa có hoặc thiếu đất để sản xuất, nhất là các hộ sống ở mặt nước lên định cư ở đất liền.

Diện tích đất giao cho mỗi hộ sản xuất đến vùng dự án được phân bổ theo điều kiện cụ thể của từng vùng. Hạn mức chung như sau:

- Từ 1 đến 3 héc-ta đất đối với dự án nông lâm nghiệp.

- Từ 2 đến 10 héc-ta đối với dự án lâm - nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản. Trong đó:

+ Phần đất thổ cư và làm kinh tế vườn 500 - 2.000m².

+ Phần đất trồng rừng và đai rừng trong dự án nông - lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản là 10 - 20%; trong dự án lâm - nông nghiệp là từ 70 - 80%.

Phần còn lại là đất phát triển nông nghiệp hoặc nuôi trồng thủy sản.

Ở những vùng đất còn nhiều khó khăn vì hệ thống giao thông, thủy lợi yếu kém, đất còn bị chua, phèn, mặn, ngập lụt thường xuyên..., khuyến khích tư nhân và các thành phần kinh tế khác nhận đất đầu tư xây dựng trang trại sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp.

Nghiêm cấm các hộ, các cá nhân tự ý tạo ranh giới bao chiếm ruộng đất, hoặc dựa vào luân canh đất rừng để bao chiếm đất.

CÁC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ

Điều 14.- Nhà nước khuyến khích mọi thành phần kinh tế ở trong và ngoài nước tự bỏ vốn đầu tư tham gia vào Chương trình này, khai thác mọi nguồn vốn liên doanh, liên kết, của địa phương, cá nhân, tập thể và các tổ chức xã hội. Vốn của ngân sách Nhà nước chỉ là vốn đầu tư hỗ trợ, bổ sung.

Nhà nước đầu tư hỗ trợ cho Chương trình này như sau:

a) Nguồn vốn để xây dựng các hệ thống công trình và kênh tạo nguồn nước công trình và kênh tiêu trực, các tuyến giao thông chính liên huyện, liên xã và xây dựng các công trình phúc lợi lớn do các ngành hữu quan và địa phương trực tiếp đầu tư theo kế hoạch hàng năm, không tính vào tổng vốn đầu tư của mỗi dự án.

b) Nguồn vốn ngân sách đầu tư trực tiếp cho các dự án:

- Đầu tư xây dựng đê bao, bờ bao, kênh mương cấp III nối ra các kênh trực đê tưới, tiêu thoát lũ, ngăn mặn, rửa phèn.

- Các công trình giao thông trong nội vùng đất hoang hóa của dự án.

- Cùng các ngành liên quan, hỗ trợ xây dựng các trạm xá, trường học cấp I, giếng nước, bể nước ở nơi thật sự khó khăn.

- Đầu tư xây dựng vườn ươm cây giống, trại giống gia súc, giống chim, đàn sản để nuôi giống, có chất lượng tốt, cung cấp cho vùng dự án.

- Đầu tư trồng rừng phòng hộ tập trung và đai rừng bảo vệ đê sông, đê biển, rừng ngập mặn, chắn cát, chắn sóng, chống gió bão, ưu tiên các vùng trọng yếu thường bị gió bão và sóng biển đe dọa ven biển các tỉnh Minh Hải, Kiên Giang, thành phố Hồ Chí Minh, Hà Tĩnh, Quảng Bình, v.v...

- Vốn sự nghiệp quản lý và khuyến nông bao gồm vốn lập dự án, quản lý và điều hành dự án công tác khuyến nông, làm ngư và chuyển giao các công nghệ mới, nguồn này được tính chung từ 0 - 5% tổng vốn đầu tư trực tiếp của dự án.

- Vốn hỗ trợ việc di chuyển, dần dần đến vùng đất mới, chuyển dân từ các đầm, phá, xóm chài... lên định cư trên đất liền và vốn hỗ trợ chi trả đồng bào dân tộc đang gặp nhiều khó khăn trong sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp.

c) Vốn ngân sách cho vay trung hạn hoặc dài hạn được sử dụng cho các mục đích sau:

- Vay để trồng cây công nghiệp, cây ăn quả, trồng rừng kinh doanh gỗ lớn có chu kỳ trên 20 năm, nuôi gia súc lớn;

- Vay để khai hoang xây dựng đồng ruộng;

- Vay để xây dựng các ao, đầm nuôi trồng thủy sản, mua sắm một số thiết bị, máy móc thật thiết yếu theo đề nghị của từng ngành chuyên môn.

Thời gian hoàn trả vốn vay không lãi: tính từ khi cơ sản phẩm hàng hóa theo chu kỳ sản xuất của mỗi loại cây trồng, vật nuôi.

d) Nguồn vốn và cơ chế quản lý vốn:

Cần huy động được mọi nguồn vốn của mọi ngành, mọi chương trình kinh tế xã hội trên địa bàn để sử dụng một cách đồng bộ, có hiệu quả, như vốn của các ngành giao thông, thủy lợi, y tế, giáo dục, định canh định cư... các chương trình quốc gia giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, nước sạch, vốn của các thành phần kinh tế khác và của nước ngoài.

Các nguồn vốn cấp phát của ngân sách (kể cả vốn đầu tư, sự nghiệp) và cho vay không lãi như nói ở trên đều thống nhất vào Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và do Bộ Tài chính thông báo cho Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố, các ngành chỉ kiến nghị phân bổ, không trực tiếp nắm vốn và phân chia vốn.

Việc cấp phát và cho vay vốn đến chủ dự án (hoặc hộ dân) và thanh quyết toán vốn chỉ do một đầu mối do Bộ Tài chính quy định.

e) Nguồn vốn vay tín dụng với lãi suất ưu đãi được sử dụng vào các mục đích sau:

- Trồng rừng kinh doanh gỗ nhỏ có chu kỳ dưới 20 năm.

- Phát triển chăn nuôi gia súc nhỏ và nuôi trồng thủy sản (mua giống, phòng trừ dịch bệnh).

- Xây dựng hệ thống dịch vụ (xay sát, chế biến bột cá, nước mắm, chế biến đường, cơ khí sửa chữa với quy mô nhỏ).

- Mua sắm phương tiện đi lại và vận chuyển thủy ở các vùng khó khăn.

g) Khi cơ cấu xây dựng các khu chế biến nơi như dương mica, rau quả, xay sát gạo xuất khẩu, chế biến thủy sản, kho lạnh... phải lập dự án riêng. Nhà nước sẽ giúp đỡ kêu gọi hợp tác đầu tư liên doanh, liên kết với các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước hoặc vay vốn của các tổ chức tài chính quốc tế để thực hiện.

Điều 15. - Các Bộ, các ngành ở Trung ương và các địa phương cần chú trọng thích đáng đến việc đầu tư xây dựng các tiềm lực khoa học công nghệ, chuyển giao các công nghệ mới cho các vùng dự án.

Ngoài vốn chung của Chương trình, hàng năm, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, các ngành, các địa phương và các cơ quan khoa học phải dành kinh phí cần thiết kể cả vốn đầu tư và vốn sự nghiệp, cho các đề án điều tra cơ bản, áp dụng tiến bộ kỹ thuật, nhất là nghiên cứu, triển khai và chuyển giao công nghệ mới trên các vùng dự án thuộc phạm vi Quyết định này.

Điều 16. - Các thành phần kinh tế khác (không thuộc Nhà nước quản lý) bỏ vốn tham gia thực hiện Chương trình thì được hưởng các chính sách ưu đãi đầu tư như quy định tại Chương III Luật Khuyến khích đầu tư trong nước; ngoài ra, còn được hưởng các chính sách khuyến khích như sau:

a) Tham gia làm dịch vụ kỹ thuật nông - lâm - ngư nghiệp trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm, được bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ như các đơn vị kinh tế của Nhà nước.

b) Nếu tham gia trực tiếp để xây dựng các vùng nguyên liệu nông, lâm, ngư nghiệp tập trung có quy mô vừa và lớn và có liên quan đến xuất khẩu, thì ngoài phần vốn tự bỏ ra, họ sẽ được Nhà nước xét cho vay từ 20 - 30% tổng vốn đầu tư của dự án bằng vốn vay tín dụng với lãi suất ưu đãi của Chương trình.

Nếu các thành phần kinh tế này có tham gia xây dựng các công trình phúc lợi như trạm xá, trường học của vùng dự án, sẽ được Nhà nước hỗ trợ 50% bằng vốn ngân sách cấp để xây dựng công trình.

c) Nếu các thành phần kinh tế khác ở trong và ngoài nước đầu tư kinh doanh về chế biến, bảo quản nông - lâm - thủy sản sẽ được hưởng các chính sách ưu đãi theo Luật Khuyến khích đầu tư trong nước và Luật Đầu tư nước ngoài.

Nếu đầu tư để chuyển giao các hệ thống giống cây trồng và vật nuôi có chất lượng cao hoặc xây dựng hệ thống bảo quản và chế biến nông, lâm, thủy sản đạt công nghệ tiên tiến của thế giới sẽ được hưởng chế độ ưu đãi đặc biệt của Nhà nước như về thủ tục giao quyền sử dụng đất, hỗ trợ một phần vốn xây dựng các cơ sở hạ tầng tới vùng dự án, về tuyển chọn lao động, v.v... nhằm tạo môi trường thuận lợi nhất cho các công việc này.

THẨM ĐỊNH VÀ XÉT DUYỆT DỰ ÁN

Điều 17. - Việc thẩm định và xét duyệt dự án được tiến hành như sau:

a) Thẩm định dự án:

Đối với các dự án thuộc địa phương quản lý, thì trước khi Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt, phải có ý kiến thẩm định bằng văn bản của các Bộ chuyên ngành (dự án lâm - nông - ngư do Bộ Lâm nghiệp thẩm định; dự án nông - lâm do Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm thẩm định, v.v...). Bộ chuyên ngành làm nhiệm vụ thẩm định có trách nhiệm làm việc với các Bộ, ngành khác có liên quan. Việc thẩm định cần tiến hành khẩn trương, chủ yếu xem xét phương hướng sản xuất và cơ cấu vốn đầu tư, mức độ tập trung (không dàn trải), các giải pháp kinh tế kỹ thuật chủ yếu để đảm bảo tính hiệu quả và khả thi của dự án.

Đối với các dự án thuộc các Bộ, ngành của Trung ương quản lý, thì trước khi Thủ tướng Bộ, ngành đó phê duyệt, cần có ý kiến thỏa thuận của Ủy ban Nhân dân tỉnh nơi thực thi dự án (Nếu như trong văn bản cấp đất của tỉnh chưa nêu rõ mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ vùng được cấp đất).

Ủy ban Kế hoạch Nhà nước có nhiệm vụ thẩm định các dự án do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

b) Phê duyệt dự án:

- Thủ tướng Chính phủ phê duyệt các dự án có quy mô lớn với tổng mức đầu tư từ 100 tỷ đồng trở lên.

- Bộ trưởng các Bộ hoặc ngành tương đương, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt các dự án có mức vốn đầu tư nhỏ hơn 100 tỷ đồng. Đối với các dự án có quy mô vốn đầu tư từ 15 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng thì trước khi ra quyết định phê duyệt, phải có ý kiến thống nhất của các Bộ liên quan và của Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước.

- Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm quản lý Nhà nước đối với tất cả các dự án thực thi trên địa bàn mình.

- Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Tài chính, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường có trách nhiệm thẩm tra các dự án về mặt cơ cấu kinh tế cân đối chung toàn vùng, về công nghệ, môi trường.

Các dự án do các Bộ và các tỉnh phê duyệt trước đây, nếu không phù hợp với mục tiêu và nội dung của Chương trình này, phải được xem xét bổ sung, điều chỉnh lại và duyệt lại cho phù hợp.

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. - Các Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm, Lâm nghiệp, Lao động - Thương binh và Xã hội, Thủy sản, Thủy lợi, Xây dựng, Giao thông vận tải, Năng lượng, Y tế, Giáo dục, Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Quốc phòng... và các ngành khác có liên quan tùy theo chức năng, nhiệm vụ của mình cùng với các địa phương phối hợp thực hiện nhằm bảo đảm tính đồng bộ cân đối của chương trình.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Ủy ban Dân tộc và Miền núi nghiên cứu xây dựng sớm các chính sách hỗ trợ cho đồng bào di chuyển đến các điểm định cư mới, vùng đặc biệt khó khăn và vùng đồng bào dân tộc nhằm sớm ổn định sản xuất và đời sống của nhân dân trên các vùng đất mới.

Điều 19. - Các đoàn thể, các hội, các tổ chức quần chúng có thể tham gia trực tiếp vào Ban điều hành dự án hoặc trực tiếp làm các dịch vụ cung cấp giống, vật tư kỹ thuật, khuyến nông... tiêu thụ sản phẩm tại các địa phương có dự án.

Đoàn Thanh niên Công sản Hồ Chí Minh phối hợp với các ngành liên quan và Ủy ban Nhân dân địa phương tổ chức lực lượng Thanh niên tình nguyện, Thanh niên xung phong phát huy vai trò xung kích của thanh niên trong việc thực hiện các dự án như khai hoang, làm đường, xây dựng công trình thủy lợi, công trình văn hóa, xã hội, v.v... hoặc tổ chức các hoạt động văn hóa, xã hội trong các vùng đất mới có nhiều khó khăn. Trung ương Đoàn có thể nhận thí điểm một số dự án tại các vùng trọng điểm để rút kinh nghiệm chỉ đạo chung.

Điều 20. - Về chỉ đạo thực hiện Chương trình:

Việc chỉ đạo thực hiện Chương trình này cần được kết hợp chặt chẽ với việc thực hiện Chương trình phủ xanh đồi núi trọc (theo Quyết định số 327-CT ngày 15-9-1992 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng) để tranh mọi trung lập, bao đảm sự thống nhất, cân đối và đồng bộ của Chương trình, nhất là trong việc phê duyệt các dự án, giải quyết các chính sách đầu tư, chính sách tài chính và chiến lược kinh tế - xã hội trên các vùng lãnh thổ.

- Ở Trung ương, Thủ tướng Chính phủ phân công một thành viên của Chính phủ trực tiếp theo dõi và tổ chức chỉ đạo thực hiện, phối hợp các ngành, các địa phương tiến hành kiểm tra, đôn đốc và đề xuất các biện pháp để thực hiện Chương trình này, đồng thời kiêm việc chỉ đạo Chương trình 327.

Bộ phân thương trực của Ban Chỉ đạo Chương trình đặt tại Ủy ban Kế hoạch Nhà nước.

- Ở mỗi Bộ chuyên ngành, cần thành lập Tổ chỉ đạo chuyên ngành.

- Ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, đồng chí Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch phụ trách khối nông - lâm - ngư nghiệp hiện trực chỉ đạo thực hiện Chương trình 327 nay kiêm chỉ đạo Chương trình này.

- Để đảm bảo thực hiện tốt Chương trình khai thác, sử dụng đất hoang hóa, bãi bồi ven sông, ven biển và mặt nước ở các vùng đồng bằng theo Quyết định này, từ nay đến hết quý 3 năm 1995, tất cả các tỉnh và các ngành Trung ương cần tiến hành tổng kết công tác khai hoang ở các vùng đồng bằng trong thời kỳ những năm gần đây (khoảng 1989 - 1990) đến 1995 (trong đó cần tổng kết việc khai thác đồng bằng sông Cửu Long), nhằm rút ra những kinh nghiệm cần thiết cho việc triển khai thực hiện tốt Chương trình này trong những năm tới.

Điều 21. - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có liên quan theo trách nhiệm và quyền hạn được giao, tuyến trên cần bộ có trách nhiệm và đầy đủ năng lực để quản lý các dự án thuộc ngành hoặc địa phương mình. Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm, Bộ Lâm nghiệp, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Thủy sản và Bộ Tài chính có văn bản hướng dẫn để chỉ đạo các cấp và cơ sở thực hiện.

Điều 22. - Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành, các văn bản trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Bộ trưởng các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Thủ tướng các cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Thủ tướng Chính phủ
VÔ VĂN KIẾT